

**KẾT QUẢ PHÚC KHẢO KỲ THI NGHỀ PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
KHÓA NGÀY 25/5/2022**

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm P. khảo	Xếp loại	GHI CHÚ
					Ngày	Thg	Năm						
1	403712	2	Lê Thu	Đinh	26	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Lạc	Nấu ăn	4.8	Hồng	
2	300022	1	Huỳnh Thị Hồng	Hoa	14	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Làm vườn	4.8	Hồng	
3	300024	1	Nguyễn Quốc	Huy	1	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Làm vườn	4.8	Hồng	
4	300034	2	Nguyễn Phước Thái	Long	10	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Làm vườn	3.6	Hồng	
5	300058	3	Trần Thị Thu	Thảo	7	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Làm vườn	4.4	Hồng	
6	300065	3	Trần Võ Phương	Trâm	28	3	2005	Tiền Giang	An Nghĩa	Làm vườn	4.8	Hồng	
7	300073	3	Bùi Võ Thế	Tường	9	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Làm vườn	4.8	Hồng	
8	300077	3	Trần Thị Kim	Xuân	4	4	2005	Đồng Nai	An Nghĩa	Làm vườn	4.8	Hồng	
9	402356	5	Võ Lê Hoàng	Hào	5	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Nấu ăn	4.6	Hồng	
10	402402	7	Lê Thị Hoa	Khôi	17	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Nấu ăn	4.0	Hồng	
11	402582	14	Huỳnh Văn	Thắng	7	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Nấu ăn	4.6	Hồng	
12	402587	14	Nguyễn Thuận	Thiên	13	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Nấu ăn	4.2	Hồng	
13	402589	14	Nguyễn Ngọc	Thông	12	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Nấu ăn	3.6	Hồng	
14	807255	18	Trần Thị Tường	Duy	4	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Tin học	3.4	Hồng	
15	807287	20	Phạm Thị Ngọc	Hân	22	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Tin học	4.2	Hồng	
16	807306	20	Trần Lê	Khang	7	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nghĩa	Tin học	4.8	Hồng	
17	100292	2	Phan Thanh	Bình	5	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.0	Hồng	
18	100346	4	Nguyễn Lê Thành	Đô	13	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.8	Hồng	
19	100352	4	Hồ Thị	Giang	14	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.4	Hồng	
20	100424	7	Nguyễn Duy Quốc	Khánh	28	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.4	Hồng	
21	100445	8	Nguyễn Thế	Kiệt	27	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.8	Hồng	
22	100477	9	Nguyễn Tấn	Lộc	8	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.8	Hồng	
23	100490	9	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	4	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.8	Hồng	
24	100572	12	Trần Huỳnh Ái	Nhi	23	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.2	Hồng	
25	100575	12	Nguyễn Hoa	Nhĩa	16	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.8	Hồng	
26	100621	14	Lê Hữu	Phước	1	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.0	Hồng	
27	100650	15	Nguyễn Thành	Tài	12	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.6	Hồng	
28	100771	19	Huỳnh Thị Thanh	Trâm	6	12	2005	Bình Dương	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.2	Hồng	

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm P. khảo	Xếp loại	GHI CHÚ
					Ngày	Thg	Năm						
29	100794	20	Đoàn Minh	Trọng	4	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.4	Hồng	
30	100795	20	Lê Hồ Hữu	Trọng	24	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.0	Hồng	
31	100843	22	Nguyễn Uy	Vũ	16	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	An Nhơn Tây	Chăn nuôi	4.0	Hồng	
32	202357	1	Lê Hoàng Tuấn	Anh	2	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	3.6	Hồng	
33	202406	3	Trần Thị Mỹ	Duyên	21	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	3.8	Hồng	
34	202469	5	Nguyễn Phan Thành	Khải	21	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	4.0	Hồng	
35	202501	6	Huỳnh Thị Kim	Lang	12	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	4.8	Hồng	
36	202503	6	Lê Phúc	Lâm	15	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	3.4	Hồng	
37	202507	6	Nguyễn Thành	Liêm	20	5	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	4.0	Hồng	
38	202572	9	Phạm Thị Thúy	Nhi	19	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	3.6	Hồng	
39	202629	11	Nguyễn Thanh	Thái	7	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	3.8	Hồng	
40	202672	12	Trần Hoàng	Tiến	8	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	4.6	Hồng	
41	202693	13	Bùi Thanh	Trung	22	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	4.8	Hồng	
42	202738	15	Trần Yên	Vy	23	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Điện	4.8	Hồng	
43	807366	22	Trần Nguyễn Yên	Nhi	23	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Tin học	4.6	Hồng	
44	807373	23	Nguyễn Thanh	Phong	7	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Tin học	4.4	Hồng	
45	807455	26	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	27	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Tin học	4.6	Hồng	
46	807456	26	Phan Thị Thanh	Tuyền	13	11	2004	Long An	Bình Khánh	Tin học	3.2	Hồng	
47	807460	26	Nguyễn Ngọc Tường	Vân	3	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Bình Khánh	Tin học	4.6	Hồng	
48	501042	1	Nguyễn Phúc Hải	Anh	17	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	
49	501085	3	Phạm Quốc	Dũng	25	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.2	Hồng	
50	501127	4	Mai Nhật	Hà	13	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.6	Hồng	
51	501130	4	Nguyễn Đại	Hải	4	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.2	Hồng	
52	501144	5	Võ Thị Ngọc	Hân	15	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.6	Hồng	
53	501159	5	Nguyễn Minh	Hùng	2	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.4	Hồng	
54	501200	7	Nguyễn Văn	Khánh	10	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.2	Hồng	
55	501402	14	Nguyễn Chí	Thanh	7	1	2005	Gia Lai	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	
56	501409	14	Trần Công	Thành	4	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.2	Hồng	
57	501413	14	Lê Quốc	Thắng	12	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	
58	501418	15	Đỗ Mẫn	Thiên	30	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	
59	501472	16	Nguyễn Quới	Trân	24	2	2005	Tiền Giang	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.4	Hồng	
60	501500	17	Nguyễn Nam	Trung	12	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.4	Hồng	
61	501512	18	Lê	Tuấn	24	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.2	Hồng	
62	501526	18	Nguyễn Hoàng Mỹ	Uyên	18	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	
63	501571	20	Mai Thị Như	Ỡ	26	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm P. khảo	Xếp loại	GHI CHÚ
					Ngày	Thg	Năm						
64	700030	22	Trần Thùy Thảo	Uyên	12	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	TCMN	4.6	Hồng	
65	801607	13	Đặng Quỳnh	Anh	1	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Đức Trí	Tin học	4.0	Hồng	
66	501196	7	Nguyễn Phương	Khanh	20	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.6	Hồng	
67	501208	7	Nguyễn Anh	Khoa	30	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	5.0	Trung bình	
68	501294	10	Lê Tuấn	Ngọc	23	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	3.4	Hồng	
69	501529	19	Thạch Lâm Phương	Uyên	19	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Hòa Bình	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	
70	823353	23	Nguyễn Lê Bảo	Phúc	23	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Hoàng Hoa Thám	Tin học	8.8	Khá	
71	823379	24	Nguyễn Mạnh	Quân	28	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Hoàng Hoa Thám	Tin học	4.8	Hồng	
72	402162	3	Nguyễn Đặng Đăng	Khoa	8	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Lê Thánh Tôn	Nấu ăn	4.8	Hồng	
73	202871	5	Trương Ngọc	Yến	16	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Long Thới	Điện	4.6	Hồng	
74	200342	3	Phạm Linh	Đan	19	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Marie Curie	Điện	4.8	Hồng	
75	820185	5	Thái Đình Sinh	Đạt	22	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Hữu Cánh	Tin học	4.8	Hồng	
76	810095	14	Trần Gia	Long	15	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Khuyến	Tin học	6.4	Trung bình	
77	810166	17	Phạm Hiếu	Nghĩa	23	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Khuyến	Tin học	4.4	Hồng	
78	808868	12	Lương Tuấn	Kiệt	23	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Linh	Tin học	4.6	Hồng	
79	808972	15	Lê Ngọc Kim	Nguyên	6	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Linh	Tin học	4.4	Hồng	
80	825573	14	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	9	3	2005	Bình Thuận	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
81	825649	17	Nguyễn Ngọc	Hoàng	12	12	2002	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
82	825673	18	Lê Thị Kim	Huyền	24	9	2005	Quảng Ngãi	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
83	825797	22	Trương Đức	Nam	5	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
84	825915	26	Ngô Chí	Tài	5	10	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
85	825939	27	Võ Quốc	Thắng	12	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
86	825940	27	Nguyễn Đình Sử	Thi	16	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.6	Hồng	
87	825941	27	Nguyễn Mai	Thi	2	8	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.6	Hồng	
88	825955	28	Đặng Nguyễn Minh	Thùy	12	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.6	Hồng	
89	825977	29	Đào Ngọc Thủy	Tiên	22	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
90	826021	30	Nguyễn Văn	Trường	28	7	2005		Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.6	Hồng	
91	826038	31	Trà Nguyễn Thanh	Tuyền	15	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.6	Hồng	
92	826054	31	Vũ Thế	Vinh	22	11	2005	Hà Nam	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
93	826064	32	Nguyễn Lương Thảo	Vy	31	10	2005	Phú Yên	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
94	826074	32	Võ Hoàng	Vy	25	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phạm Ngũ Lão	Tin học	4.8	Hồng	
95	202201	14	Nguyễn Thị	Oanh	23	10	2005	Nghệ An	Phan Bội Châu	Điện	4.8	Hồng	
96	207616	3	Đinh Lê Hoàng Thục	Đoan	30	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phan Đăng Lưu	Điện	4.8	Hồng	
97	207819	11	Võ Kiến	Quân	13	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phan Đăng Lưu	Điện	4.6	Hồng	
98	100482	9	Trần Thị Kim	Luyến	30	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Chăn nuôi	4.8	Hồng	

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm P. khảo	Xếp loại	GHI CHÚ
					Ngày	Thg	Năm						
99	100757	19	Huỳnh Thanh	Trà	26	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Chăn nuôi	4.0	Hồng	
100	204278	24	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	24	9	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Điện	3.4	Hồng	
101	204279	24	Nguyễn Bảo	Khôi	22	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Điện	4.6	Hồng	
102	204291	25	Võ Thị Thanh	Ngân	24	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Điện	3.6	Hồng	
103	204300	25	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	20	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Điện	3.2	Hồng	
104	204309	25	Phạm Thị Tổ	Quỳnh	23	6	2005	Thái Bình	Phú Hòa	Điện	3.8	Hồng	
105	204310	25	Mai Tấn	Sang	19	1	2005	Đồng Nai	Phú Hòa	Điện	4.4	Hồng	
106	204321	26	Ngô Thị Thùy	Trang	13	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Điện	3.4	Hồng	
107	204322	26	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm	23	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Điện	4.0	Hồng	
108	204327	26	Nguyễn Diệp Thanh	Tuyền	25	10	2005	Bình Dương	Phú Hòa	Điện	4.8	Hồng	
109	204329	26	Nguyễn Thị Thúy	Vân	29	1	2005	Quảng Ngãi	Phú Hòa	Điện	4.8	Hồng	
110	204335	26	Hồ Ngọc	Y	10	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Phú Hòa	Điện	4.0	Hồng	
111	204336	26	Nguyễn Hoài Bảo	Yên	11	6	2005	Bình Dương	Phú Hòa	Điện	3.8	Hồng	
112	901437	22	Trần Nguyễn Kim	Thư	16	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Tân Túc	Trồng trọt	4.6	Hồng	
113	811016	8	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	15	3	2005	Tp. Hồ Chí Minh	TT GDNN-GDTX Quận 11	Tin học	3.0	Hồng	
114	811202	15	Huỳnh Dương Kim	Ngân	22	9	2004	Tp. Hồ Chí Minh	TT GDNN-GDTX Quận 11	Tin học	4.0	Hồng	
115	402346	5	Trần Nguyễn Ngọc	Hà	6	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Thanh An	Nấu ăn	4.6	Hồng	
116	402350	5	Lê Thị Thu	Hạnh	8	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Thanh An	Nấu ăn	4.4	Hồng	
117	402355	5	Nguyễn Như	Hào	10	9	2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	Thanh An	Nấu ăn	4.6	Hồng	
118	402403	7	Nguyễn Đăng	Khôi	11	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Thanh An	Nấu ăn	3.8	Hồng	
119	402492	10	Nguyễn Thị Thùy	Nguyên	7	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Thanh An	Nấu ăn	4.8	Hồng	
120	402522	11	Phạm Thị Yên	Như	31	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Thanh An	Nấu ăn	6.6	Trung bình	
121	402666	17	Nguyễn Thị Ý	Vy	26	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Thanh An	Nấu ăn	4.8	Hồng	
122	827264	12	Nguyễn Quốc Anh	Khoa	17	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trần Hưng Đạo	Tin học	4.6	Hồng	
123	827681	27	Lê Quang	Thọ	25	2	2005	Thừa Thiên Huế	Trần Hưng Đạo	Tin học	4.6	Hồng	
124	101051	7	Phan Nguyễn Khánh	Hằng	26	8	2005	Quảng Nam	Trung Lập	Chăn nuôi	4.6	Hồng	
125	101203	12	Trần Thanh Tài	Lộc	27	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Chăn nuôi	4.8	Hồng	
126	101238	14	Nguyễn Phương	Nam	12	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Chăn nuôi	4.4	Hồng	
127	101306	16	Trần Thị Yến	Nhi	11	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Chăn nuôi	3.6	Hồng	
128	101418	20	Nguyễn Thanh	Sáng	1	4	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Chăn nuôi	4.8	Hồng	
129	101506	23	Trịnh Minh	Thư	4	9	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Chăn nuôi	3.2	Hồng	
130	204437	6	Nguyễn Thế	Anh	19	3	2004	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.6	Hồng	
131	204444	6	Trần Đình	Bảo	13	2	2005	Tây Ninh	Trung Lập	Điện	2.8	Hồng	
132	204464	7	Phan Văn	Đang	10	9	2004	Bạc Liêu	Trung Lập	Điện	4.8	Hồng	
133	204465	7	Nguyễn Ngọc	Đào	28	9	2005	Tây Ninh	Trung Lập	Điện	4.6	Hồng	

Số TT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh			Nơi sinh	Học sinh Trường	Môn thi	Điểm P. khảo	Xếp loại	GHI CHÚ
					Ngày	Thg	Năm						
134	204470	7	Nguyễn Tấn	Đạt	11	1	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	3.8	Hồng	
135	204490	8	Lê Gia	Hân	9	12	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	3.6	Hồng	
136	204500	8	Phạm Gia	Huy	28	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.2	Hồng	
137	204503	8	Lê Viết Nguyên	Hung	16	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	3.8	Hồng	
138	204516	9	Lâm Tuấn	Kiệt	26	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	3.2	Hồng	
139	204529	9	Phạm Văn Tú	Linh	2	5	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	3.4	Hồng	
140	204543	10	Trần Toàn	Mỹ	21	2	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.8	Hồng	
141	204547	10	Nguyễn Thị Thanh	Nga	1	11	2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trung Lập	Điện	4.8	Hồng	
142	204553	10	Đỗ Yến	Nghi	7	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.6	Hồng	
143	204566	10	Phạm Nghĩa	Nhân	30	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.8	Hồng	
144	204574	11	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	27	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.6	Hồng	
145	204588	11	Nguyễn Tấn	Phát	11	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.6	Hồng	
146	204603	12	Nguyễn Ngọc Quyên	Quyên	11	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.6	Hồng	
147	204666	14	Nguyễn Thị Nguyệt	Vân	2	11	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Lập	Điện	4.6	Hồng	
148	101962	6	Nguyễn Thị	Tâm	31	1	2005	Quảng Ngãi	Trung Phú	Chăn nuôi	4.4	Hồng	
149	204723	10	Cao Thị Minh	Loan	13	2	2005	Bắc Giang	Trung Phú	Điện	4.6	Hồng	
150	204737	11	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10	6	2005	Vĩnh Long	Trung Phú	Điện	4.4	Hồng	
151	204751	11	Nguyễn Thị Yên	Nhi	11	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Phú	Điện	4.0	Hồng	
152	815933	17	Nguyễn Trung	Kiên	13	10	2005	Bình Dương	Trung Phú	Tin học	4.4	Hồng	
153	500078	7	Phạm Lan	Chi	15	8	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Vương	Nhiếp ảnh	Vắng	Vắng	
154	500403	19	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	3	7	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Trung Vương	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	
155	500624	27	Đặng Trần Khánh	Tường	29	11	2004		Trung Vương	Nhiếp ảnh	4.8	Hồng	
156	403154	3	Đỗ Thị Yến	Linh	28	1	2005	Thanh Hóa	Võ Trường Toàn	Nấu ăn	4.8	Hồng	
157	813980	11	Lâm Quốc	Đạt	2	6	2005	Tp. Hồ Chí Minh	Võ Trường Toàn	Tin học	4.8	Hồng	

DUYỆT
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã Ký)

Nguyễn Bảo Quốc

TỔNG KẾT

Tổng số TS trong danh sách:	157
Số TS dự thi:	156
Số thí sinh vắng:	1
Số thí sinh hồng:	152
Số thí sinh đạt:	4
Loại Giỏi	0
Loại Khá	1
Loại Trung bình	3